| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ H**<br>**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - N phúc** |
| *Số: 411/2019/QĐST-HNGĐ* | *Thành phố H, ngày 18tháng 6 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
## CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀSỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 219/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Trần Văn M, sinh năm 1964; địa chỉ: Lô B4.10 khu tái định cư Hgiai đoạn 2, đợt 2, phường C, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Trương Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: Lô B4.10 khu tái định cư Hgiai đoạn 2, đợt 2, phường C, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn M và chị Trương Thị Ncó đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 02/6/1986. Nguyễn nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã. Hiện nay, vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm nhau nữa. Nay vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh M và chị N không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh M và chị N được ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trần Văn M và chị Trương Thị N xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có 05 con chung:

1. Trần Thị Trà M, sinh ngày 03/02/1987;

2. Trần Văn P, sinh ngày 25/5/1988;

3. Trần Thị Tường V, sinh ngày 13/3/1990;

4. Trần Văn Q, sinh ngày 19/02/1993;

2. Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 02/01/1995;

Hiện nay các con đã trưởng thành nên vấn đề nuôi con không đặt ra.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Văn M và chị Trương Thị N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Toà án: Anh Trần Văn M và chị Trương Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết ly hôn, anh M và chị N đã nộp tại biên lai số AA/2013/007916 ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn M và chị Trương Thị Nthuận tình ly hôn.

Anh Trần Văn M và chị Trương Thị N đã đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, tại quyển số 02, số 48.

- Về con chung: Hiện nay các con đã trưởng thành nên vấn đề nuôi con không đặt ra.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Văn M và chị Trương Thị N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Văn M và chị Trương Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết ly hôn, anh M và chị N đã nộp tại biên lai số AA/2013/007916 ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận :**
- Các đương sự;
- VKSNDTP Huế;
- THATP Huế;
- TAND Tỉnh TTHuế;
- UBND phường T, thành phố Huế;
-Lưu.

**THẨM PHÁN**

***Văn Đức Hòa***